

I. KIẾN THỨC VÀ KĨ NĂNG

1. Phần đọc hiểu: Thơ Nôm Nguyễn Trãi

*** Đọc hiểu nội dung**

- Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong câu thơ/ bài thơ.
- Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mĩ, ý nghĩa, tác dụng của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, yếu tố “phá cách” và các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.
- Phân tích được vẻ đẹp tâm hồn, tư tưởng của tác giả Nguyễn Trãi qua bài thơ.
- Nêu được cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.
- Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân do bài thơ gợi ra.
- Vận dụng những hiểu biết về tác giả Nguyễn Trãi để đánh giá ý nghĩa, giá trị thơ Nguyễn Trãi.

*** Đọc hiểu hình thức**

- Nhận biết được thể thơ, vần, nhịp, đối và các biện pháp tu từ trong bài thơ.
- Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.
- Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ
- Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hóa được thể hiện trong bài thơ.
- Nhận biết được những biểu hiện trực tiếp của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ.

2. Phần viết: Viết bài nghị luận về một vấn đề xã hội

a. Mức độ đánh giá

*** Nhận biết:**

- Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.
- Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.
- Giới thiệu được vấn đề xã hội và mô tả được những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.
- Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.

*** Thông hiểu:**

- Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận.
- Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.
- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.
- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

*** Vận dụng:**

- Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.
- Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.
- Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.

*** Vận dụng cao:**

- Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm; vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.
- Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết về vấn đề xã hội.

b. Dàn ý

*** Mở bài:**

- Giới thiệu vấn đề cần bàn luận

*** Thân bài:**

- Nêu ý nghĩa của vấn đề đối với đời sống xã hội
- Trình bày quan điểm cá nhân: Vấn đề xã hội đó có tác động như thế nào đối với cá nhân và cộng đồng.
- Trình bày những cơ sở về nhận thức và thực tiễn cho phép người viết đề xuất quan điểm nhìn nhận, đánh giá về vấn đề xã hội như vậy.
- Nêu lí lẽ, phân tích bằng chứng để chứng minh quan điểm và thuyết phục người đọc, người nghe

*** Kết bài:**

- Khẳng định ý nghĩa của vấn đề vừa bàn luận.
- Nhấn mạnh vai trò trách nhiệm của cá nhân, cộng đồng trong việc giải quyết vấn đề đó

II. CẤU TRÚC VÀ HÌNH THỨC KIỂM TRA

1. Thời gian: 90 phút

2. Hình thức kiểm tra: tự luận 100%

3. Cấu trúc: 2 phần

*** Phần I: Đọc hiểu (6 điểm)**

- Nội dung: Ngữ liệu là một đoạn thơ/ bài thơ của Nguyễn Trãi ngoài sgk
- Hình thức: 6 câu hỏi được sắp xếp theo các mức độ (theo đặc trưng thể loại) , xoay quanh thể loại thơ trữ tình

*** Phần II: Viết (4 điểm):** Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội

ĐỀ MINH HOẠ

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản

*Công danh đã được hợp ⁽¹⁾về nhàn,
Lành dữ âu chi⁽²⁾ thế nghị⁽³⁾ khen.
Ao cạn vớt bèo cấy muống,
Đìa thanh⁽⁴⁾ phát cỏ ương sen.
Kho thu phong nguyệt⁽⁵⁾ đầy qua nóc,
Thuyền chở yên hà⁽⁶⁾ nặng vạy⁽⁷⁾ then.
Bui⁽⁸⁾ có một lòng trung lẫn hiếu,
Mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen ⁽⁹⁾.*

(Thuật hứng - bài 24, Trích Luận đề về Nguyễn Trãi, NXB Thanh niên, 2003, tr.87)

Cước chú :

- (1) Hợp: đáng, nên. (2) Âu chi: lo chi. (3) Nghị: dị nghị, ở đây hiểu là chê
(4) Đìa thanh: vũng nước trong xanh. (5) Phong nguyệt: gió, trăng
(6) Yên hà: Khói, rặng. (7) Vạy: oằn, cong. Nặng vạy then: chở nặng làm thang thuyền oằn xuống.
(8) Bui: chỉ có. (9) chẳng: chẳng, không

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Bài thơ viết theo thể thơ gì?

Câu 2. Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 3. Nêu chủ đề của bài thơ.

Câu 4. Nêu tác dụng của từ Hán Việt “phong nguyệt”, “yên hà” trong hai câu 5,6.

Câu 5. Anh/Chị hiểu như thế nào về vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi thể hiện trong hai câu kết?

Câu 6. Anh/chị có đồng tình với ý kiến : *Dù đã lui về ở ẩn, nhưng Nguyễn Trãi chỉ “nhàn thân” chứ không “nhàn tâm” không?* Lí giải?

II.VIẾT (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận khoảng 500 chữ, trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề sự lựa chọn thần tượng của giới trẻ hiện nay.

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU		6,0
	1	- Thể thơ: Thất ngôn xen lẫn lục ngôn hoặc Thất ngôn bát cú Đường luật xen lục ngôn.	0,75
	2	Nhân vật trữ tình : Tác giả	0,75
	3	Chủ đề của bài thơ: Bài thơ thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của tác giả: đó là một tâm hồn tinh tế với tình yêu thiên nhiên tha thiết, đồng thời là một tấm lòng trung hiếu trước sau không thay đổi.	1,0
	4	Tác dụng của từ Hán Việt: Phong nguyệt, yên hà - Câu thơ ngắn gọn, súc tích, hình ảnh thơ gợi cảm, trang trọng hơn.... - Thể hiện tâm hồn thanh cao, gắn bó, chan hoà với thiên nhiên, tạo vật....	1,0
	5	- Vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi qua 2 câu cuối: + Tấm lòng son sắt trung hiếu với vua, với nước dù trong bất kì hoàn cảnh nào cũng không phai nhạt + Đó là vẻ đẹp tâm hồn của một con người luôn yêu nước thương dân	1,0
II	6	HS có thể trình bày quan điểm cá nhân : Đồng tình/ Không đồng tình.. Sau đây là gợi ý Đồng tình - Lí giải: quả thật ông chỉ “ <i>nhàn thân</i> ” khi đã không còn lo việc quan, mà chỉ vui thú điền viên; nhưng ông không “ <i>nhàn tâm</i> ”, vì tấm lòng của ông lúc nào cũng canh cánh, cũng vương bận một nỗi lo cho dân, cho nước. Tấm lòng “trung hiếu cũ” mà ông nói đến trong bài thơ trên chính là ước mong được suốt đời đóng góp công sức để trả nợ nước, đền ơn vua, báo hiếu với thân phụ của mình.	1,5
		VIẾT: Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận khoảng 500 chữ, trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề sự lựa chọn thần tượng của giới trẻ hiện nay.	4,0
		1. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận văn học</i> Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề	0,25
		2. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Vấn đề lựa chọn thần tượng của giới trẻ hiện nay.	0,25

	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục. Sau đây là một hướng gợi ý: a. Mở bài - Giới thiệu vấn đề: Sự lựa chọn thần tượng của các bạn trẻ. - Nêu được lí do lựa chọn và quan điểm cá nhân về sự lựa chọn thần tượng của các bạn trẻ và bản thân. b. Thân bài - Giải thích khái niệm thần tượng - Thực tế việc chọn thần tượng của các bạn trẻ - Nguyên nhân và hậu quả nếu chọn thần tượng không đúng - Cách lựa chọn thần tượng của bản thân c. Kết bài: Khẳng định lại vấn đề chọn thần tượng.	2,5
	4. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt	0,5
	5. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng, cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy	0,5
Tổng điểm		10,0

-----HẾT-----

NHÓM TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

VŨ THỊ LƯƠNG

LƯƠNG THỊ YẾN

